

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/DS-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2024
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Thành;
Ông Nguyễn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Trúc Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-DS ngày 11/9/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (;
Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: 128 H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Xuân T; Chức vụ: Trưởng Phòng G (theo giấy ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Ngân hàng TMCP).

(Ông T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T1 – sinh năm: 1992;
Trú tại: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 3 năm 2024 (gửi đến Tòa án ngày 17 tháng 4 năm 2024); các lời khai tiếp theo và đơn yêu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 25/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Xuân T trình bày:*

Ngày 19/11/2021, ông Nguyễn Trọng T1 có ký với Ngân hàng thương mại cổ phầ((TMCP) Sài Gòn T - Chi nhánh N - Phòng giao dịch (PGD) huyện V (S) 01 (một) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) với mục đích là tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ thời điểm tháng 02/2023, ông Nguyễn Trọng T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (quy định tại Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do đó vào ngày 15/03/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Trọng T1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày xét xử là ngày 27/9/2024, ông Nguyễn Trọng T1 còn nợ Ngân hàng TMCP (nợ gốc và lãi với số tiền cụ thể như sau:

Nợ gốc: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

Lãi trong hạn: 3.952.364đ (ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng);

Lãi quá hạn: 22.463.001đ (hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm lẻ một đồng);

Tổng cộng: 51.415.365đ (năm mươi một triệu bốn trăm mười lăm nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng).

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP (ông Dương Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Trọng T1 phải trả làm một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/9/2024 với số tiền là 51.415.365đ (năm mươi một triệu bốn trăm mười lăm nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 3.952.364đ (ba triệu

chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng), tiền lãi quá hạn là 22.463.001đ (hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm lẻ một đồng); đồng thời, ông T1 còn phải trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng (theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, tổng đạt hợp lệ nhiều lần các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng T1 để lấy lời khai, để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Nguyễn Trọng T1 đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, nên Tòa án không lấy được lời khai của ông Nguyễn Trọng T1, không tiến hành hòa giải được vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần (khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Trọng T1; ông T1 có nơi cư trú tại: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Dương Xuân T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Trọng T1 đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP (và bị đơn ông Nguyễn Trọng T1.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký ngày 19/11/2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần (S) - Chi nhánh N - Phòng giao dịch huyện G với ông Nguyễn Trọng T1 khi xác lập hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận giữa Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký ngày 19/11/2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần (S) - Chi nhánh N - Phòng giao dịch huyện G với ông Nguyễn Trọng T1 là hợp pháp, có hiệu lực và có giá trị ràng buộc các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Trọng T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cụ thể: Kể từ thời điểm tháng 02/2023, ông Nguyễn Trọng T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 15/03/2023 (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến nay; Ngân hàng thương mại cổ phần (S) - Chi nhánh N - PGD huyện V (S) đã nhiều lần nhắc nhở và làm việc với ông T1 để thanh toán các khoản nợ quá hạn nhưng cho đến nay vẫn không nhận được sự hợp tác từ phía ông T1.

Như vậy, có cơ sở xác định ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán, gây ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trọng T1 trả nợ gốc và lãi là có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP (S) về việc buộc ông Nguyễn Trọng T1 phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/9/2024, cụ thể như sau:

Nợ gốc: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

Lãi trong hạn: 3.952.364đ (ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng);

Lãi quá hạn: 22.463.001đ (hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm lẻ một đồng);

Tổng cộng: 51.415.365đ (năm mươi một triệu bốn trăm mười lăm nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, ông Nguyễn Trọng T1 còn phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần (S) tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký.

[3] Xét ý kiến của bị đơn:

Trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Trọng T1: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tại các văn bản trên, Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh đã thông báo rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhưng phía bị đơn vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ và không có cơ sở để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Trọng T1.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Trọng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định của pháp luật.

H lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần (.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 100; Điều 103, điểm d khoản 2 Điều 107 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Trọng T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần (số tiền tính đến ngày 27 tháng 9 năm 2024 là 51.415.365đ (năm mươi một triệu bốn trăm mười lăm nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 3.952.364đ (ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng), tiền lãi quá hạn là 22.463.001đ (hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm lẻ một đồng);

Quy định: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28 tháng 9 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Trọng T1 phải chịu án dân sự sơ thẩm là 2.570.768đ (hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần (1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006992 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Quyền kháng cáo của bị đơn (vắng mặt) là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Nhật Hoàng